CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội

Ngày 31/12/2025	16,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.5%	**-5.2%**	**30.6%**

DT thuần
Q4/25
-10,371
tỷ VNĐ
QoQ: ▼786| -8.2%
YoY: ▼2,761| -36.3%

LN thuần
Q4/25
-55.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.3| -85.0%
YoY: ▲ 71.9| 56.6%

LN sau thuế
Q4/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.92| -100%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
19.1%
YoY: +/-▼ 2.2%

ROE
2025

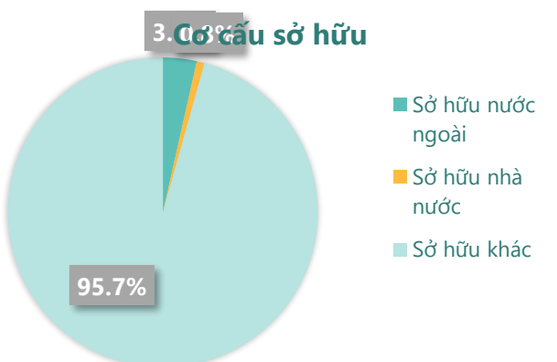
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,758 - 19,050
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	75,107
Số lượng CPLH (CP)	4,593,703,838
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65,951,399
Sở hữu nước ngoài	3.5%
Beta	1.24
EPS	2,614
P/E	6.3

DT thuần
2025
-37,138
tỷ VNĐ
YoY: ▼7,883| -26.9%

LN thuần
2025
-160
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.0| 14.2%

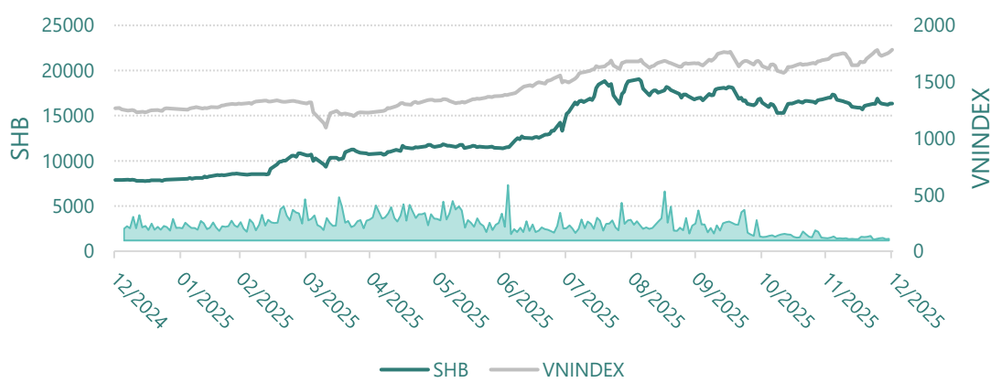
LN sau thuế
2025
0
tỷ VNĐ
YoY: ▼14.0| -100%

Cơ cấu sở hữu

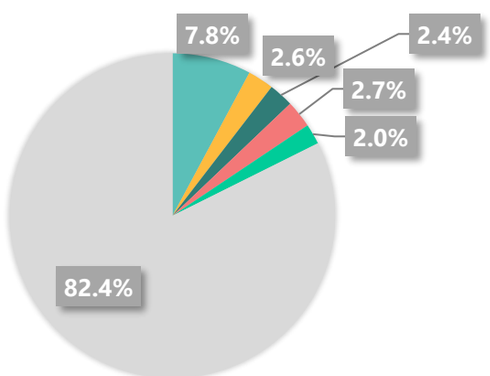


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

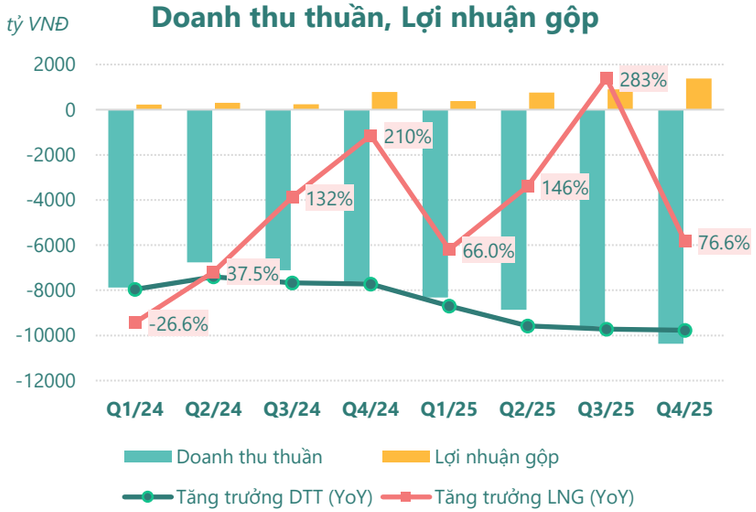


- CTCP Tập đoàn T&T
- Đỗ Vinh Quang
- Đỗ Quang Vinh (Phó Tổng giám đốc)
- Đỗ Quang Hiển (Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Thị Thu Hà
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

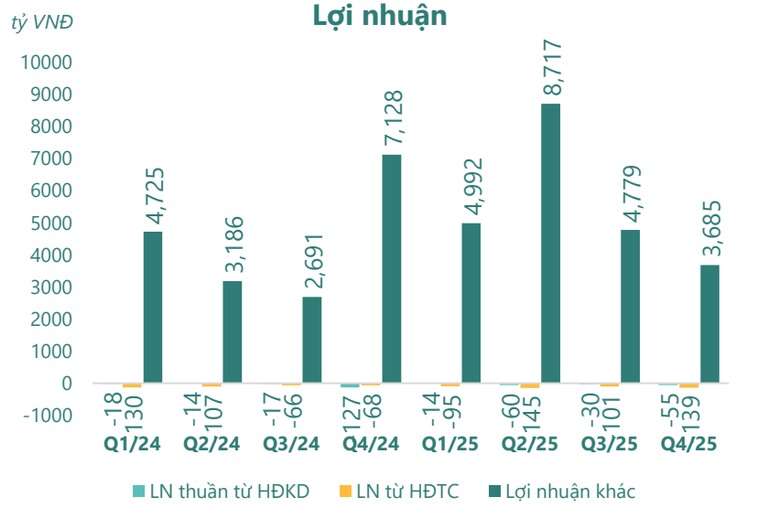
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



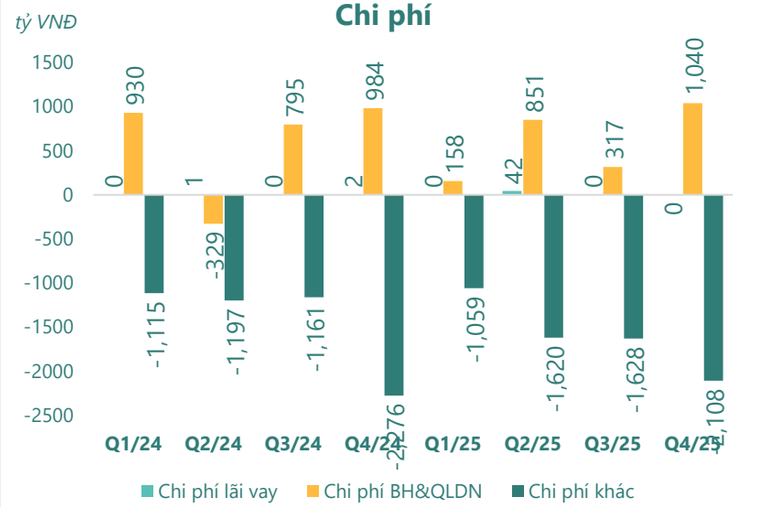
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



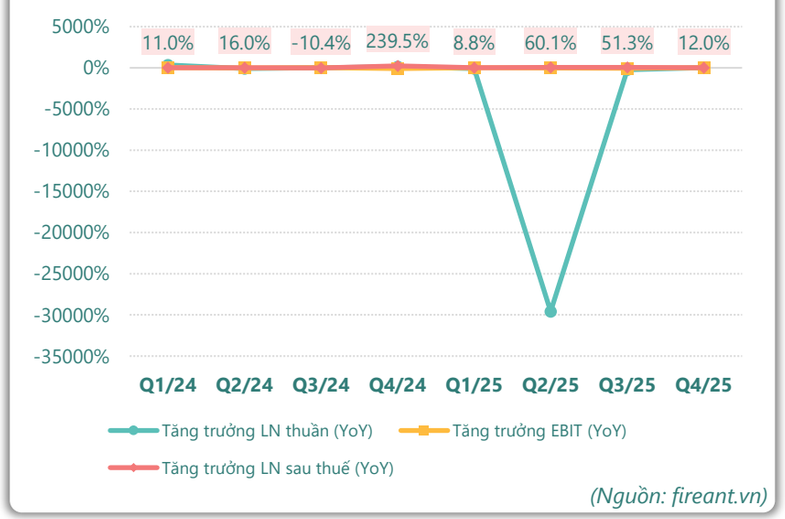
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



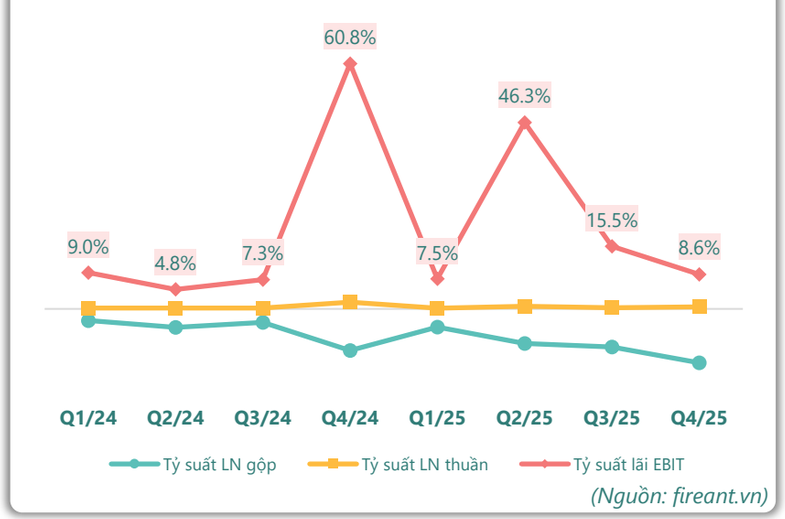
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



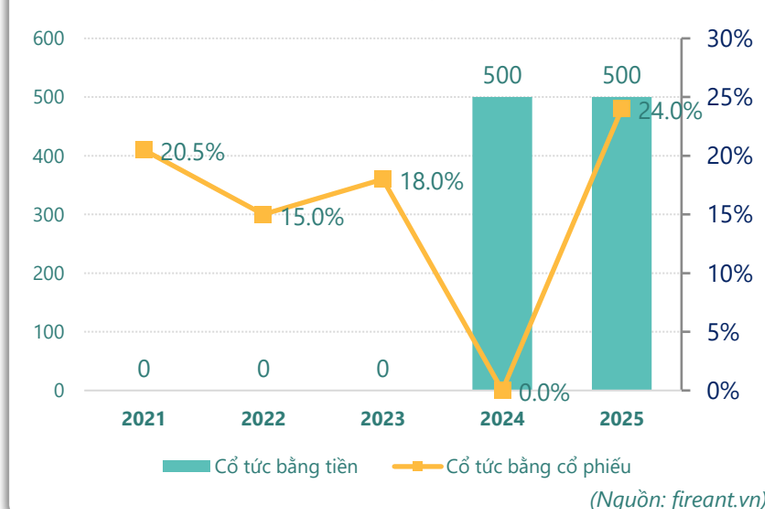
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

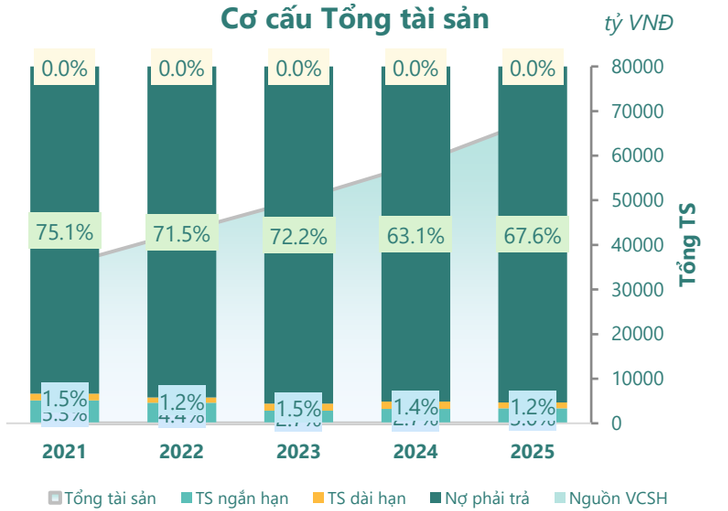
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

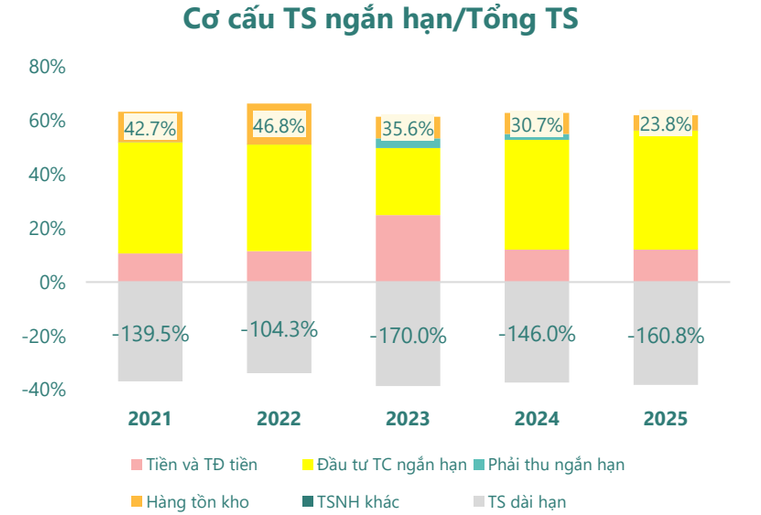
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



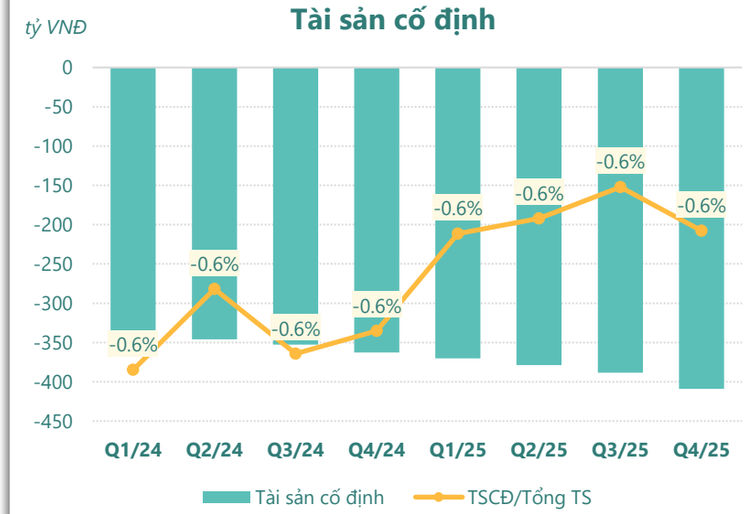
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



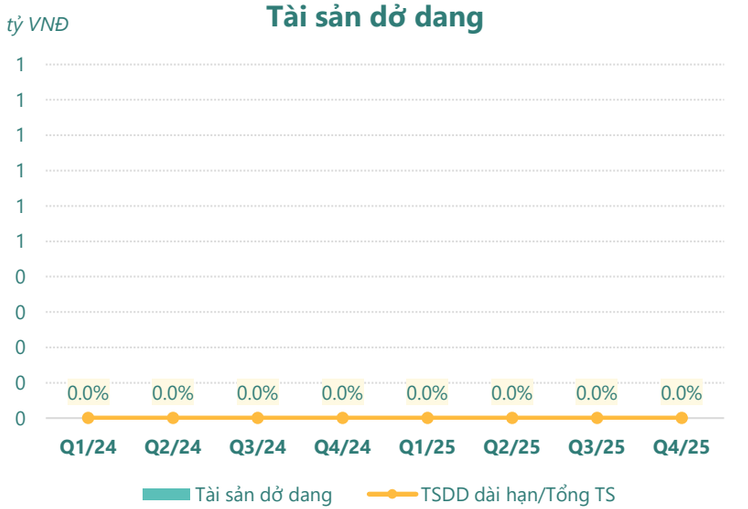
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



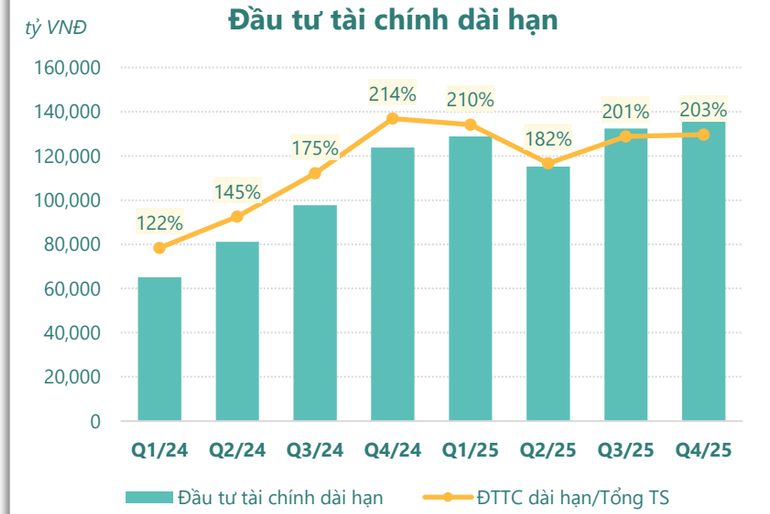
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



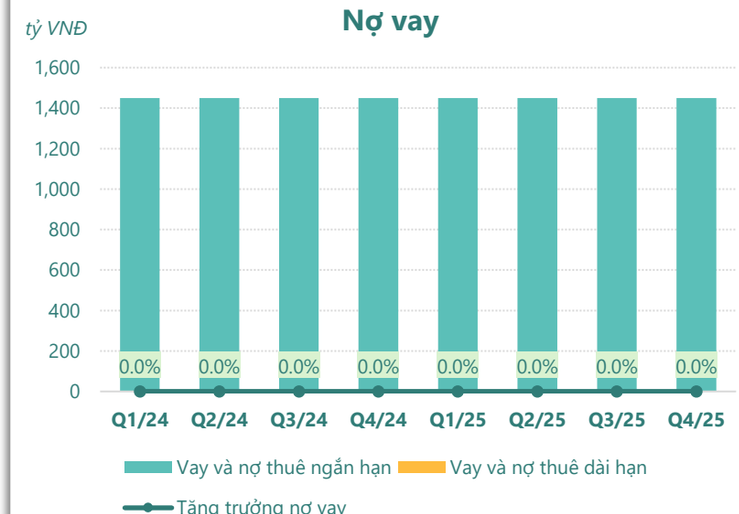
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

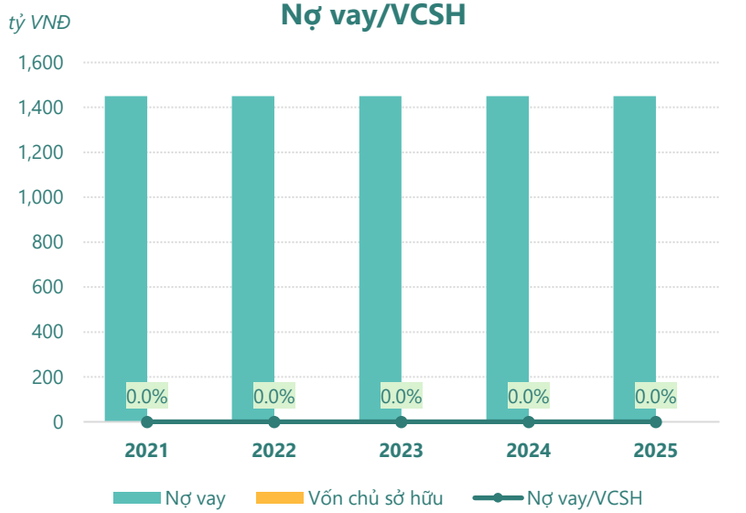
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

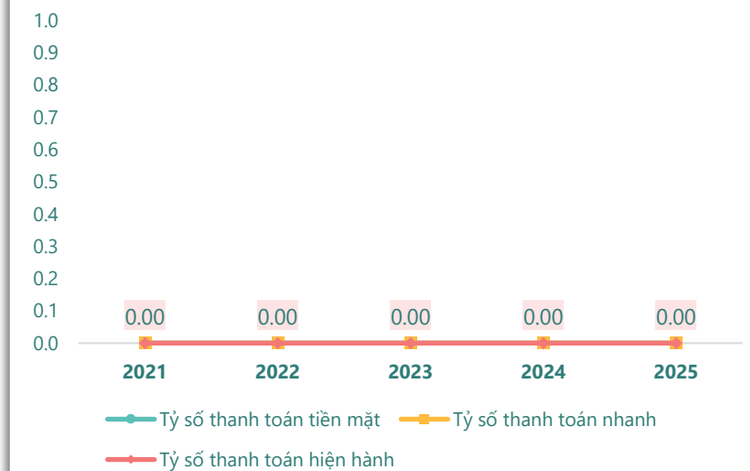
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



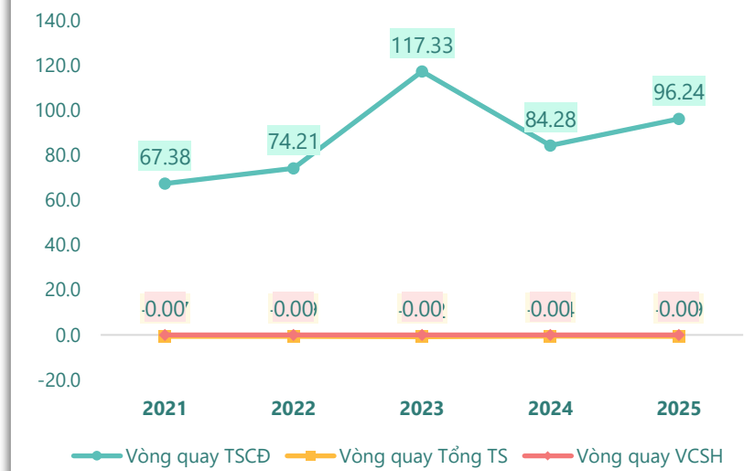
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



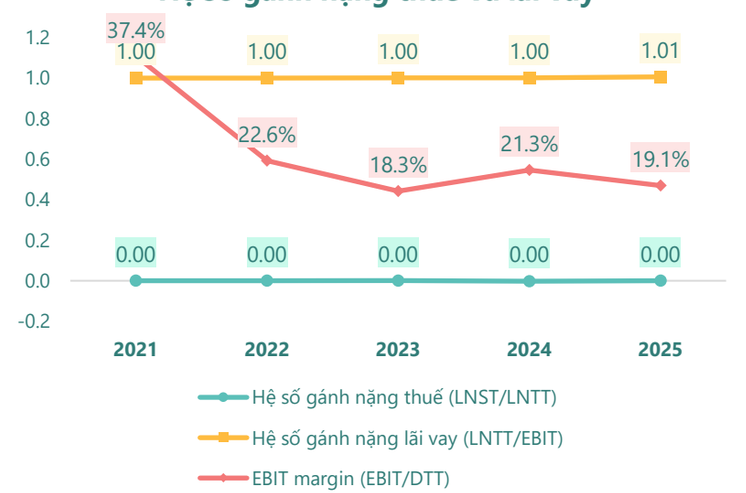
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



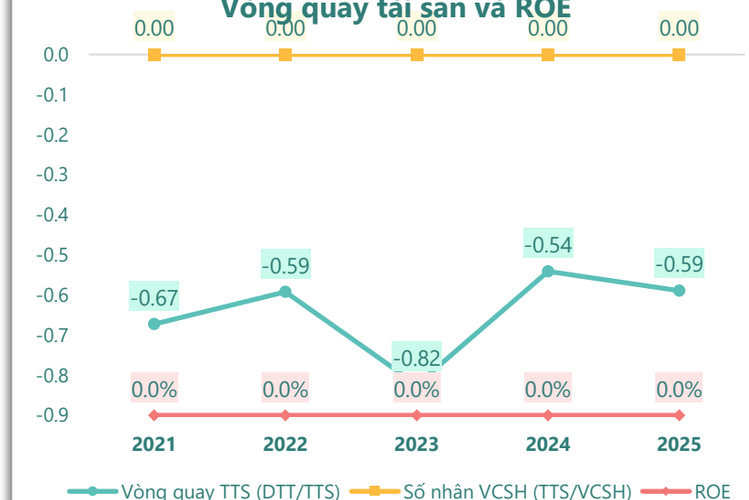
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



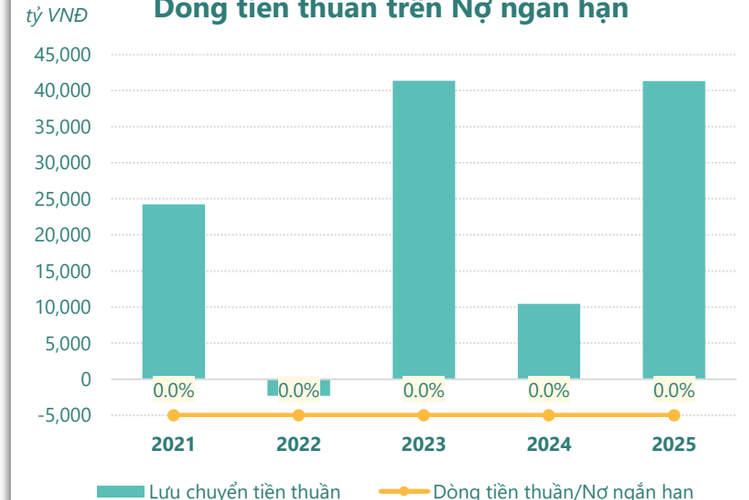
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**-10,371**	**-7,610**	**-36.3%**	**-37,138**	**-29,255**	**-26.9%**
Giá vốn hàng bán	1,319	755	74.6%	3,206	1,283	150%
Lợi nhuận gộp	1,386	785	76.5%	3,429	1,570	118%
Doanh thu HĐTC	-67.2	-29.8	-126%	-222	-286	22.3%
Chi phí TC	72.2	38.5	87.5%	258	86.3	199%
Chi phí lãi vay	-0.06	2.14	-103%	42.5	3.33	1176%
LN trong công ty LKLD	**71.9**	**-110**	**165%**	**142**	**-218**	**165%**
Chi phí bán hàng	492	428	15.0%	1,103	1,156	-4.6%
Chi phí QLDN	**547**	**556**	**-1.6%**	**1,263**	**1,342**	**-5.9%**
LN thuần từ HĐKD	-55.1	-127	56.6%	-160	-186	14.2%
Lợi nhuận khác	**3,685**	**7,128**	**-48.3%**	**22,172**	**17,812**	**24.5%**
LN trước thuế	-891	-4,633	80.8%	-7,144	-6,243	-14.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0**	**0.00**		**0**	**14.0**	**-100%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0**	**0.00**		**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27,984	4,435	14,735	-13,423	11,270	28,051
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.7	-100	-20.0	-61.9	-45.1	-220
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-34.7	-0.38	-0.08	997	28.2	-1.57
Tiền đầu kỳ	89,073	117,000	121,318	136,033	123,545	134,798
Lưu chuyển tiền thuần	**27,927**	**4,334**	**14,715**	**-12,488**	**11,253**	**27,830**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	117,000	121,334	136,033	123,545	134,798	162,628

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**67,996**	**58,067**	**17.1%**
Tài sản ngắn hạn	2,038	1,564	30.4%
Tiền và tương đương tiền	34,355	27,437	25.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	126,825	92,636	36.9%
Phải thu ngắn hạn	0.46	4,950	-100.0%
Hàng tồn kho	16,173	17,813	-9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**829**	**827**	**0.2%**
Phải thu dài hạn	1,619	1,581	2.4%
Tài sản cố định	-409	-363	-12.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	137,703	123,726	11.3%
Tài sản dài hạn khác	**17,550**	**13,441**	**30.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45,942	36,629	25.4%
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,450	1,450	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)